

Bản án số: 442/2022/HC-PT

Ngày: 16-6-2022

V/v: Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại đòi quyền sử dụng đất và quyết
định giao đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 357/2021/TLPT-HC ngày 21 tháng 6 năm 2021; về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại đòi quyền sử dụng đất và quyết định giao đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 732/2022/QĐPT-HC ngày 17 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Võ Thị T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị T:

1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (theo văn bản uỷ quyền ngày 08/4/2022, có mặt).

2. Ông Lê Văn K, sinh năm 1950; Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (theo văn bản uỷ quyền ngày 22/12/2021, có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Minh T; Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Xuân N; Chức vụ: Phó chủ tịch (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thị T, sinh năm 1948; Địa chỉ: Ấp Kinh 4, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

2. Bà Thị L, sinh năm 1946; Địa chỉ: Ấp R, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3. Ông Danh Sốc K, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp Kinh 9, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

4. Ông Trần Văn T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp Kinh 9, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

5. Ông Danh N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp R, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

6. Ủy ban nhân dân xã B, huyện H; Địa chỉ: Xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hòa; Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Võ Thị T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện bà Võ Thị T và người đại diện theo ủy quyền ông Võ Quang T trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 7,5ha tọa lạc tại ấp Đường Thét, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang là của gia đình bà Võ Thị T canh tác từ năm 1985. Năm 1996, Nhà nước thu hồi đất để cho Công ty Kiên Tài sử dụng nhưng không sử dụng mà bỏ hoang, trong thời gian này bà Võ Thị T có đơn tranh chấp với Công ty Kiên Tài nhưng chưa được giải quyết.

Đến năm 2000, bà Võ Thị T vào phần đất cũ diện tích hơn 7ha để sử dụng. Trong thời gian sử dụng, Nhà nước không ban hành quyết định thu hồi đất đối với bà Võ Thị T, nhưng lại ban hành quyết định thu hồi đất, cưỡng chế đối với ông Lê Văn K (chồng của bà Võ Thị T, đã ly hôn từ năm 1993). Trong khi đó bà Võ Thị T là người canh tác sử dụng, ông Lê Văn K không có sử dụng diện tích đất này.

Bà Võ Thị T khiếu nại yêu cầu đòi lại diện tích 7,5ha để canh tác. Ngày 25/01/2018 Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại không chấp nhận đòi lại đất của bà Võ Thị T, với lý do đất đã giao cấp, cho thuê các hộ khác, trong khi đó bà Võ Thị T là người đang sử dụng đất, bị mất đất và nằm trong danh sách được giao cấp đất từ năm 1998 nhưng chưa được giao cấp đất. Việc Chủ tịch UBND huyện H giải quyết khiếu nại không chấp nhận yêu cầu đòi lại diện tích 7,5ha là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Võ Thị T, nên yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện H, giữ nguyên diện tích 7,5ha cho bà Võ Thị T sử dụng.

Ngày 25/10/2020 bà Võ Thị T có đơn khởi kiện bổ sung với lý do đất của bà Võ Thị T nhưng UBND huyện H giao cho các hộ dân khác là không đúng, nên yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định giao cấp đất gồm:

Hủy Quyết định số 4361/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc giao đất nông nghiệp cho hộ ông (bà) Thị Tiên;

Hủy Quyết định số 4336/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc giao đất nông nghiệp cho hộ ông (bà) Danh Sốc K;

Hủy Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc giao đất nông nghiệp cho hộ ông (bà) Danh N;

Hủy Quyết định số 4299/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc giao đất nông nghiệp cho hộ ông (bà) Danh T;

Hủy Quyết định số 5531/QĐ-UBND ngày 07/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc giao đất nông nghiệp cho hộ ông (bà) Trần Văn T.

Theo Công văn số 97/UBND-TTr ngày 13/3/2019 và Công văn số 165/UBND-TNMT ngày 09/3/2021, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện H và UBND huyện H do người đại diện ông Đào Xuân Nha trình bày:

Năm 2017, UBND huyện nhận được đơn khiếu nại của bà Võ Thị T với nội dung yêu cầu đòi đất nông nghiệp diện tích 7,5ha tại xã B, huyện H và được thụ lý giải quyết tại Thông báo số 243/TB-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện H.

Về nguồn gốc đất, bà Võ Thị T trình bày: Năm 1985, gia đình bà khai mở diện tích 5ha và đến năm 1990 gia đình bà được ông Dương Văn Sáu (cư ngụ ấp Kinh 9, xã B, đã chết) cho diện tích 2.5ha (không có giấy tờ); hai thửa đất trên thuộc ấp Đường Thét, xã B. Gia đình bà sử dụng đất liên tục để làm lúa, năm 1996 Nhà nước thu hồi không xem xét bồi thường.

Qua kết quả xác minh, xác định ngày 08/11/1993 UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 1037/QĐ-UBND về việc tạm giao diện tích 17.265 ha đất nằm trong quy hoạch lâm nghiệp tại các xã Nam Thái Sơn, Bình Sơn (nay tách thêm xã B) và thị trấn Hòn Đất, huyện H cho Công ty Lâm sản Kiên Giang để liên doanh với Công ty quốc tế Kiên Tài trồng cây làm nguyên liệu giấy. Việc quy hoạch, giao đất có lập phương án giải tỏa và bồi hoàn đất đai, hoa màu vật kiến trúc cho các hộ dân có sử dụng đất trong khu vực diện tích 17.265 ha đất trên. Phương án được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt số 198, 199 và 204 ngày 28/03/1996.

Ngày 03/8/2001, UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 1556/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích đất tạm giao cho Công ty Lâm sản Kiên Giang thuộc địa bàn huyện H và Kiên Lương (trong đó có diện tích 17.265 ha đất trên) giao cho Công ty Nông – Lâm sản Kiên Giang quản lý, sử dụng theo quy hoạch chung của tỉnh. Hiện nay diện tích 17.265 ha trên (trong đó có 7,5 ha bà Võ Thị T yêu cầu đòi đất) đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao cấp (hoặc cho thuê) cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng.

Kết quả rà soát các Phương án giải tỏa và bồi hoàn đất đai, hoa màu, vật kiến trúc được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt số 198 ngày 28/3/1996, có thể

hiện tên bà Võ Thu Thủy bị thu hồi diện tích 5.400m² loại đất hoang, không được bồi thường tiền. Ngoài ra, tại Phương án số 198 còn thể hiện có hộ tên Thủy (không thể hiện họ và tên đệm) bị thu hồi diện tích 18.000m² loại đất 01 vụ lúa, được bồi thường số tiền 360.000 đồng.

Qua đối chiếu hồ sơ bồi hoàn trong Phương án số 198 (biên bản bồi hoàn, trợ cấp di dời đất đai, hoa màu, vật kiến trúc) cũng như các giấy tờ liên quan (giấy mời của UBND xã Bình Sơn đối với bà Võ Thị T về giải quyết tranh chấp đất với Công ty Kiên Tài, sổ chứng minh nhân dân của bà Võ Thị T) xác định bà Võ Thị T có sử dụng đất tổng diện tích 23.400m² (trong đó có 5.400m² đất hoang, 18.000m² đất lúa), được thể hiện trong Phương án (tên Võ Thu Thủy và tên Thủy), năm 1996 Nhà nước thu hồi xem xét bồi thường số tiền 360.000 đồng là phù hợp với Điều 9 Nghị định số 90/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích Quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

Từ cơ sở trên, căn cứ Khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013, việc yêu cầu đòi lại diện tích 7,5 ha của bà Võ Thị T là không có cơ sở xem xét giải quyết. Do đó, ngày 25/01/2018 Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND giải quyết không thừa nhận đơn yêu cầu đòi đất của bà Võ Thị T. Quyết định trên được triển khai đến bà Võ Thị T ngày 31/01/2018, qua triển khai bà Võ Thị T có ý kiến thống nhất theo nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND huyện, yêu cầu Nhà nước xem xét giao cấp 03 ha tại khu 204,8 ha ấp Đường Thét, xã B. Tại vị trí này, năm 2012 UBND huyện đã giao cấp cho các hộ dân khác, gia đình bà Võ Thị T (chồng là Lê Văn K) vào chiếm canh tác và đã bị Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang xử phạt hành chính và cưỡng chế hành chính, do đó yêu cầu của bà Võ Thị T không có cơ sở xem xét để giải quyết. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Võ Thị T.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Võ Thị T, UBND huyện H xác định việc ban hành 05 quyết định giao đất nông nghiệp cho các hộ dân Thị Tiên, Danh Sốc K, Danh N, Danh T, Trần Văn T là đúng, phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2003.

Trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã B do người đại diện ông Nguyễn Văn Hòa trình bày:

Trong phần đất 7,5ha mà bà Võ Thị T khiếu nại đòi lại đất có diện tích 8.505,92m² do UBND xã B quản lý theo địa giới hành chính. Năm 2013, ông Lê Văn K vào bao chiếm phần diện tích này và bị Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang xử phạt vi phạm hành chính. Bà Võ Thị T yêu cầu đòi lại 7,5ha trong đó có diện tích 8.505,92m² hiện do UBND xã B quản lý là không có căn cứ, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Thị T, ông Danh Sốc K, ông Trần Văn T, Bà Thị L (vợ ông Danh T đã chết) và ông Danh N trình bày:

Vào năm 2012, UBND huyện H có quyết định giao cấp đất nông nghiệp cho các hộ dân sử dụng, tại ấp Kinh 9, xã B, huyện H. Trong đó, UBND huyện H giao Bà Thị T 10.000m² theo Quyết định số 4361/QĐ-UBND ngày

21/9/2012; giao cho Danh Sốc K 10.000m² theo Quyết định số 4336/QĐ-UBND ngày 21/9/2012; giao cho ông Trần Văn T 7.765m² theo Quyết định số 5531/QĐ-UBND ngày 07/12/2012; giao cho ông Danh T (vợ Thị Lương) 10.000m² theo Quyết định số 4299/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 và giao cho ông Danh N 10.000m² theo Quyết định 4307/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 để canh tác. Sau khi được UBND huyện H giao đất các ông, bà vào canh tác thì vợ chồng ông Lê Văn K, bà Võ Thị T vào chiếm đất không cho sử dụng.

Nay bà Võ Thị T khởi kiện đòi lại đất cũ và hủy các quyết định về việc giao cấp đất nông nghiệp mà UBND huyện H đã giao, thì các ông, bà không đồng ý vì đây là diện tích đất các ông, bà được Nhà nước giao sử dụng theo quy định của pháp luật. Các ông, bà đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của bà Võ Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 26 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 32, 37 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

[1] Xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T “Về việc yêu cầu hủy Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết đơn khiếu nại đơn yêu cầu đòi đất của bà Võ Thị T, địa chỉ ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang”.

[2] Xử bác yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Võ Thị T “Về việc yêu cầu hủy các quyết định về việc giao đất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang. Quyết định số 4361/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ ông (bà) Thị T; Quyết định số 4336/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ ông (bà) Danh Sốc K; Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ ông (bà) Danh N, Quyết định số 4299/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ ông (bà) Danh T (vợ Thị L); Quyết định số 5531/QĐ-UBND ngày 07/12/2012 về việc giao nông nghiệp cho hộ ông (bà) Trần Văn T”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/3/2021, bà Võ Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Trần Văn H và ông Lê Văn K không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; thay đổi yêu cầu kháng cáo từ hủy bản án sơ thẩm sang sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T.

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà nên không thể hiện ý kiến.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

Ông Trần Văn H: Đất do bà Võ Thị T khai hoang, trực tiếp sử dụng từ năm 1985. Năm 1993, mặc dù không ban hành quyết định thu hồi đất của bà Võ Thị T, nhưng UBND tỉnh Kiên Giang đã giao phần đất của bà Võ Thị T cho Công ty Kiên Tài. Do Công ty Kiên Tài bỏ hoang nên bà Võ Thị T tiếp tục vào sử dụng đất và bị cưỡng chế. Hiện nay bà Võ Thị T vẫn đang canh tác phần đất mà bà bị thu hồi. UBND huyện có giao cho bà Võ Thị T 02 ha đất nhưng ở nơi khác, không thuận lợi cho việc canh tác nên bà Võ Thị T không nhận. Trong 05 hộ được UBND huyện giao đất, có hộ có đất bị thu hồi, có hộ không. Bản án sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày của người bị kiện, không xem xét thấu đáo ý kiến của bà Võ Thị T nên ban hành bản án ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà Võ Thị T. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Võ Thị T làm trong hạn luật định, đúng hình thức, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Bà Võ Thị T bị thu hồi đất và đã được bồi thường 360.000 đồng. Sau đó, Nhà nước đã giao phần đất này cho người khác sử dụng. Bà Võ Thị T không còn quyền sử dụng đối với phần đất bị thu hồi. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Võ Thị T làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 23/01/2019, bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện H, về việc giải quyết đơn yêu cầu đòi lại đất (sau đây viết tắt là Quyết định số 103/QĐ-UBND). Sau khi Toà án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, bà Võ Thị T mới biết phần đất mà bà khiếu nại đòi lại đã được UBND huyện H cấp cho các ông Bà Thị T, Danh Sốc K, Danh N, Danh T, Trần Văn T theo các Quyết định số 4361/QĐ-UBND,

Quyết định số 4336/QĐ-UBND, Quyết định số 4307/QĐ-UBND, Quyết định số 4299/QĐ-UBND cùng ngày 21/9/2012 và Quyết định số 5531/QĐ-UBND, ngày 07/12/2012 (sau đây viết tắt là các Quyết định số 4361/QĐ-UBND, Quyết định số 4336/QĐ-UBND, Quyết định số 4307/QĐ-UBND, Quyết định số 4299/QĐ-UBND và Quyết định số 5531/QĐ-UBND). Ngày 25/10/2020, bà Võ Thị T khởi kiện bổ sung, yêu cầu huỷ các quyết định cấp đất. Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai của UBND huyện H. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng khởi kiện, đúng quan hệ pháp luật và còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về trình tự, thẩm quyền ban hành:

Bản án sơ thẩm xác định các Quyết định số 103/QĐ-UBND, Quyết định số 4361/QĐ-UBND, Quyết định số 4336/QĐ-UBND, Quyết định số 4307/QĐ-UBND, Quyết định số 4299/QĐ-UBND và Quyết định số 5531/QĐ-UBND được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục là có căn cứ, phù hợp với các quy định khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại, khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2003.

[4] Về nội dung các quyết định:

[4.1] Đối với các Quyết định số 4361/QĐ-UBND, Quyết định số 4336/QĐ-UBND, Quyết định số 4307/QĐ-UBND, Quyết định số 4299/QĐ-UBND và Quyết định số 5531/QĐ-UBND, nhận thấy:

Bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu huỷ các quyết định nêu trên vì cho rằng toàn bộ diện tích đất mà UBND huyện H cấp cho các ông Bà Thị T, Danh Sốc K, Danh N, Danh T, Trần Văn T có nguồn gốc của bà khai phá từ năm 1985. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Trần Văn H là người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị T xác định trong 05 hộ này, có hộ cũng bị thu hồi đất như bà Võ Thị T, có hộ không. Bản án sơ thẩm chỉ xem xét về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định cấp đất mà không thu thập chứng cứ là hồ sơ cấp đất cho 05 hộ; không điều tra làm rõ trong 05 hộ này, hộ nào bị thu hồi đất, hộ nào không bị thu hồi đất để xác định hộ nào đủ điều kiện được cấp đất.

[4.2] Đối với Quyết định số 103/QĐ-UBND, nhận thấy:

Mặc dù UBND tỉnh Kiên Giang có sai sót trong việc không ban hành quyết định thu hồi đất của bà Võ Thị T để giao cho Công ty Kiên Tài vào năm 1993, nhưng những sai sót này đã được giải quyết theo Báo cáo kết luận số 3293/BC-TTCTP ngày 14/12/2016 của Thanh tra Chính phủ, Văn bản chỉ đạo số 2995/VPCP-V.I ngày 29/3/2017 của Thủ tướng chính phủ. Theo các văn bản vừa nêu thì tùy trường hợp, mỗi hộ sẽ được cấp từ 2 đến 3 ha đất để canh tác.

Bà Võ Thị T có quá trình lâu dài khai phá, sử dụng phần đất đã bị thu hồi và hiện nay vẫn tiếp tục sử dụng phần đất đã bị thu hồi. Bà Võ Thị T cư trú tại ấp Đường Thét, xã B nhưng Quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND huyện H cấp đất cho bà Võ Thị T tại ấp Hoà Thuận, xã Nam Thái Sơn (quyết định này đã bị thu hồi do bà Võ Thị T không nhận đất) là chưa xem xét đến quá trình khai phá, sử dụng đất; nơi cư trú, điều kiện canh tác của bà Võ Thị T.

Như mục [4.1] nhận định trong 05 hộ được cấp đất (theo bà Võ Thị T thì đất cấp cho 05 hộ này chính là đất có nguồn gốc của bà Võ Thị T khai phá) có hộ không bị thu hồi đất. Trên thực tế, toàn bộ diện tích đất được cấp (theo các Quyết định số 4361/QĐ-UBND, Quyết định số 4336/QĐ-UBND, Quyết định số 4307/QĐ-UBND, Quyết định số 4299/QĐ-UBND và Quyết định số 5531/QĐ-UBND), hộ ông Thảo đang bỏ hoang, 04 hộ còn lại đã bán cho người khác. Điều này chứng tỏ những hộ này không có nhu cầu sử dụng đất. Mặt khác, tại phiên toà phúc thẩm, ông Hội cho rằng tại khu vực này hiện nay còn hơn 50 ha chưa giao cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào sử dụng. Do đó, bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T là chưa có cơ sở vững chắc.

[5] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do đó, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

[6] Các nhận định trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà Võ Thị T không phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015,
Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị T.

[1] Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang để xét xử lại vụ án.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Võ Thị T không phải chịu, hoàn trả cho bà Võ Thị T số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 896 ngày 30/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Đương sự;
- Lưu (3),22b (Án HQ).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Văn Khoa

